TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825101] - PLC (CCQ2314A)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt:..20...
Số bài thi: ....19...
Số tờ giấy thi:...29

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123140002	Nguyễn Hoài	Bảo	31/08/2005	CCQ2314A		Bảo	5	5	5,0
2	2123140012	Võ Nguyên	Bôn	11/06/2005	CCQ2314A		Bôn	7	6,5	6,7
3	2123140033	Huỳnh Quang	Chiến	10/04/2005	CCQ2314A			8	7	7,4
4	2123140028	Lê Văn	Của	01/12/2004	CCQ2314A			8	8	8,0
5	2123140014	Triệu Trương	Đạt	12/02/2005	CCQ2314A		Đạt (Ký thay)	8	7	7,4
6	2123140009	Lê Ngọc	Đức	10/08/2005	CCQ2314A		Đức	5,0	6	6,0
7	2123140026	Trần Văn	Đức	29/07/2005	CCQ2314A			7	6,7	6,8
8	2123140116	Nguyễn Tấn	Dũng	01/01/2005	CCQ2314A		Dũng.	6,3	6,3	6,3
9	2123140087	Nguyễn Vũ	Duy	26/05/2005	CCQ2314A			7,5	7,5	7,5
10	2123140019	Nguyễn Xuân	Giang	05/12/2005	CCQ2314A		Giang (Ký thay)	5	4	4,4
11	2123140022	Lê Phúc	Hiền	21/09/2005	CCQ2314A			5,0	6	5,6
12	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	18/01/2005	CCQ2314A		Hoành	7,5	7,0	7,2
13	2123140023	Lý Văn	Hợp	16/01/2005	CCQ2314A		Hợp	6,5	5,5	6,0
14	2123170648	Quảng Quang	Hữu	03/08/2005	CCQ2314A		Hữu (ICT)	5	4	4,4
15	2123140015	Lê Văn	Huy	09/01/2005	CCQ2314A		Vắng	3	0	1,2
16	2123140020	Trần Văn	Khánh	06/08/2005	CCQ2314A		Khay	8	8	8,0
17	2123140031	Mai Lê Tấn	Khương	07/06/2005	CCQ2314A		Khương	6,3	6,3	6,3
18	2123140008	Ngô Hữu	Lợi	18/07/2005	CCQ2314A			7,3	6	6,5
19	2123140006	Nguyễn Hữu	Luân	13/08/2005	CCQ2314A		Luân	6,3	7	6,7
20	2123140016	Thiệu Ngọc	Luân	20/03/2005	CCQ2314A			7	7	7,0

Ngày in: 11/6/2024

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825105] - PLC (CCQ2205C)
CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 15
Số bài thi: 15
Số tờ giấy thi: 15

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050117	Nguyễn Văn	Chương	16/12/2004	CCQ2205D		Chương	6,0	6	6,0
2	2122050142	Dương Văn	Dũng	15/12/2001	CCQ2205C		Vắng	0	0	0
3	2122050128	Nguyễn Xuân	Dương	01/01/2004	CCQ2205D		Dương	6,0	6	6
4	2122140046	Ngô Hoàng	Hào	14/06/2003	CCQ2214B		Vắng	0	0	0
5	2122140062	Phạm Xuân	Hùng	02/10/2004	CCQ2214B		Vắng	0	0	0
6	2122050139	Võ Văn	Hùng	23/01/2004	CCQ2205C		Hùng	5,0	6	5,6
7	2122050077	Nguyễn Công	Hưng	12/12/2004	CCQ2205C		Hưng	5,0	6	5,6
8	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	CCQ2205C		Khánh	8,0	7	7,4
9	2122050086	Trần Đăng	Khoa	01/01/2004	CCQ2205C		Khoa	6,0	7	6,6
10	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C		Minh	6,0	6,5	6,3
11	2122050075	Nguyễn Đình	Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C		Ngọc	6,5	6,5	6,5
12	2122140055	Nguyễn Hoàng	Phúc	15/06/2004	CCQ2214B		Vắng	0	0	0
13	2122050148	Nguyễn Minh	Phúc	14/07/2004	CCQ2205C		Phúc	4,0	6	5,2
14	2122140041	Phan Văn	Phương	03/12/2004	CCQ2214B		Vắng	0	0	0
15	2122050051	Tô Đình	Thành	18/06/2004	CCQ2205B		Thành	7,0	7,3	7,2
16	2122050078	Lê Minh	Trí	07/12/2004	CCQ2205C		Trí	5,0	5	5,0
17	2122050074	Nguyễn Hữu	Trọng	29/06/2003	CCQ2205C		Vắng	0	0	0
18	2122050085	Nguyễn Thành	Trung	22/11/2004	CCQ2205C		Trung	7,2	7	7,1
19	2122050105	Nguyễn Quốc	Việt	11/03/2004	CCQ2205D		Việt	5,0	5	5,0
20	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	01/04/2003	CCQ2205D		Vin	6,5	6,5	6,5

Ngày in: 11/6/2024